

Name : .....

Grade 6 – HKI - 6

I. Fill each blank with must or mustn't. (Điền vào mỗi chỗ trống với must hoặc mustn't.)

- must + V: phải

- mustn't + V: không được

1. You ( must / mustn't ) leave the hotel room before 12 o'clock. ( Leave : rời - before : trước )
2. You ( must / mustn't ) make lots of noise in the museum. ( noise : tiếng ồn - museum : bảo tàng )
3. My mum says you ( must / mustn't ) always tell the truth. ( tell : nói - truth : sự thật )
4. You know you ( must / mustn't ) go to bed with your shoes on. ( shoes : giày )
5. I want to speak English better. I ( must / mustn't ) practise more. ( want to : muốn - practise : luyện tập )

II. Điền dạng so sánh hơn của các tính từ sau đây

1. Noisy ( ồn ào )	
2. Heavy ( nặng )	
3. Happy ( vui vẻ )	
4. Hot ( nóng )	
5. Big ( to )	
6. Quiet ( yên tĩnh )	
7. Good ( tốt, giỏi )	
8. Expensive ( đắt )	
9. Peaceful ( yên bình )	
10. Exciting ( thú vị )	

III. Chia động từ

1. You mustn't (make) \_\_\_\_\_ noise in class.
2. You mustn't (take) \_\_\_\_\_ photos when you are in the City Museum.
3. Mai usually (cycle) \_\_\_\_\_ to school.
4. What time \_\_\_\_\_ your father (often / get) \_\_\_\_\_ up in the morning?
5. Tom often (play) \_\_\_\_\_ basketball on the weekend.
6. Let's (watch) \_\_\_\_\_ TV now.
7. How about (clean) \_\_\_\_\_ it and cooking?
8. Listen! She (say) \_\_\_\_\_

